

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Ngọc Thương;

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 455/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95 /2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, nơi cư trú: 988 đường 30/4, phường 11, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp K Liêu, xã LT, huyện LN, tỉnh BP.

(Bà H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông M vắng mặt không có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Võ Văn M quen nhau năm 2013, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 22-9-2014. Sau khi

kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do ông M thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm mà không thông báo cho vợ con biết, có khi bỏ đi 03 tháng không về nhà, không quan tâm đến vợ con. Bà cũng nhiều lần khuyên bảo, đề nghị chồng sửa đổi để vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái nhưng ông M không thay đổi. Từ tháng 9 năm 2016 đến nay, bà và ông M không chung sống cùng nhau, bà ở cùng con gái, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông M cũng đã thỏa thuận được về vấn đề ly hôn, con chung, cấp dưỡng; đã được Tòa án thụ lý "việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Tuy nhiên, vì ông M không tham gia phiên hòa giải nên không thể thỏa thuận tại Tòa án. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ việc sang vụ án ly hôn với yêu cầu cụ thể sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn M.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông M có 01 con chung là Võ Thanh Bình, sinh ngày 08-02-2015, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ việc tại Tòa án, bị đơn ông Võ Văn M có bản tự khai như sau:

Ông thống nhất với tất cả các ý kiến của bà H về các vấn đề hôn nhân, con chung, mâu thuẫn. Công việc ông phải đi làm xa nhà, bận rộn nên ông không thể quan tâm, chăm sóc vợ con. Ông đồng ý ly hôn với bà H; đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi con chung là Võ Thanh Bình, sinh ngày 08-02-2015, ông không cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết vấn đề ly hôn của ông và bà H.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Võ Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý "yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" và chuyển sang vụ án "tranh chấp ly hôn" đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng

mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn M yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có địa chỉ thường trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 35 và điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 01 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý vụ việc nêu trên theo thông báo thụ lý số 126/HNST. Quá trình giải quyết vụ việc, ông M được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên hòa giải và có đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú của bà H giải quyết vụ việc ly hôn của ông và bà H nên yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của ông M, bà H được chuyển thành vụ án "tranh chấp ly hôn" với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, bị đơn là ông Võ Văn M, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Bà H và ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 22-9-2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do ông M thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm mà không thông báo cho vợ con biết, có khi bỏ đi 03 tháng không về nhà, không quan tâm đến vợ con. Bà cũng nhiều lần khuyên bảo, đề nghị chồng sửa đổi để vợ chồng cùng nhau xây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái nhưng ông M không thay đổi. Từ tháng 9 năm 2016 đến nay, bà và ông M không chung sống

cùng nhau, bà ở cùng con gái, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; bà H không còn tình cảm vợ chồng với ông M nên yêu cầu ly hôn với ông M.

Bị đơn ông Võ Văn M đồng ý với toàn bộ ý kiến và yêu cầu của bà H.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, ông M thừa nhận, vì công việc ông phải đi làm xa nhà, bận rộn nên ông không thể quan tâm, chăm sóc vợ con, ông cũng đồng ý ly hôn với bà H cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H với ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông M đến tham dự phiên hòa giải nhưng ông M không đến cho thấy ông M không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà H với ông M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: bà H và ông M có 01 con chung là Võ Thanh Bình, sinh ngày 08-02-2015, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Ông M đồng ý với ý kiến của bà H. Xét thấy bà H hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bình, yêu cầu của bà H là tự nguyện, được ông M đồng ý và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bình, ông M không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 2 Điều 29; điểm b Khoản 2 Điều 35 và điểm h Khoản 2 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273, Khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Văn M.

Về con chung, cấp dưỡng: bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Võ Thanh Bình, sinh ngày 08-02-2015 (*tám tháng hai năm hai nghìn không trăm mười lăm*); ông Võ Văn M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ của con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0007742 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà H phải nộp thêm 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí.

Ông Võ Văn M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0007747 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Đan Trường (xã Xuân Trường cũ), huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Trà My**